

Số: 40/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Học viện Ngoại giao

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-KĐCL ngày 16/8/2019 về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và Quyết định số 451/QĐ-KĐCL ngày 30/10/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-KĐCL ngày 28/02/2014 về việc Ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và Quyết định số 153/QĐ-KĐCL ngày 06/11/2017 về việc điều chỉnh Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-KĐCL ngày 20/01/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Học viện Ngoại giao, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XII ngày 15-16/02/2020 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngoại giao của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngoại giao theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Học viện. Học viện cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngoại giao cho thấy, điểm trung bình chung trong 04 mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng và Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong *Phụ lục 1*).



2. Kiến nghị Học viện Ngoại giao cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Học viện Ngoại giao.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

Phụ lục 1.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngoại giao

(Kèm theo Nghị quyết số: 40/NQ-HĐKĐCL ngày 19 tháng 02 năm 2020
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,98
Tiêu chuẩn 1	4,20
Tiêu chuẩn 2	3,75
Tiêu chuẩn 3	4,00
Tiêu chuẩn 4	3,50
Tiêu chuẩn 5	4,25
Tiêu chuẩn 6	4,00
Tiêu chuẩn 7	3,60
Tiêu chuẩn 8	4,50
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,81
Tiêu chuẩn 9	3,67
Tiêu chuẩn 10	4,00
Tiêu chuẩn 11	3,75
Tiêu chuẩn 12	3,80

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4,14
Tiêu chuẩn 13	4,40
Tiêu chuẩn 14	3,40
Tiêu chuẩn 15	4,20
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 17	4,25
Tiêu chuẩn 18	4,25
Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 20	4,75
Tiêu chuẩn 21	4,50
Mục 4. Kết quả hoạt động	4,36
Tiêu chuẩn 22	4,25
Tiêu chuẩn 23	4,17
Tiêu chuẩn 24	4,50
Tiêu chuẩn 25	4,50

Phụ lục 2.

Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Học viện Ngoại giao


(Kèm theo Nghị quyết số: 40/NQ-HĐKĐCL ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngoại giao giai đoạn 2015 - 2019 cho thấy Học viện có những điểm mạnh như sau:

(1) Về Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực của Học viện, phù hợp với chiến lược phát triển ngành và thị trường giáo dục mới. Hệ thống quản trị truyền thống được xây dựng dựa trên hệ thống chính trị và các Hội đồng tư vấn; chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm giải trình chủ yếu và cơ cấu lãnh đạo, quản lý được quy định rõ ràng; các nghị quyết, định hướng chiến lược được chuyển tải thành các KPI, chính sách và kế hoạch hành động để tổ chức thực hiện. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng phù hợp với chủ trương, quy định hiện hành; được rà soát, cải tiến. Việc quy hoạch phát triển, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ được chú trọng đầu tư và thực hiện hiệu quả. Chiến lược phát triển tài chính đã có các giải pháp ổn định nguồn thu và quản lý theo quy định. Học viện đã thiết lập được các mối quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế tương đối mạnh.

(2) Về ĐBCL về hệ thống: Chiến lược về ĐBCL giai đoạn 2018-2021 thể hiện được chính sách chất lượng của Học viện; được cụ thể qua một số mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu chính và có các nhóm giải pháp thực hiện. Đội ngũ cán bộ chuyên trách, Hội đồng tự đánh giá được đào tạo bồi dưỡng về nghiệp vụ. Hoạt động tự đánh giá cơ sở được triển khai theo kế hoạch; một số vấn đề phát hiện bước đầu được lập kế hoạch khắc phục, cải tiến. Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong được xây dựng trên nền tảng công nghệ thông tin (CNTT); các thông tin công chúng được chú trọng; các dữ liệu thông tin được lưu trữ và có thể trích xuất hỗ trợ cho việc ra quyết định. Đã lựa chọn một số đối tác, thực hiện đối sánh trong phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) và kết quả đầu ra, bước đầu sử dụng kết quả để xây dựng giải pháp tăng cường các hoạt động ĐBCL và hình thành văn hóa chất lượng.

(3) Về ĐBCL về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo được thực hiện hiệu quả; đã xây dựng và duy trì liên tục được thương hiệu mạnh “Sinh viên Học viện Ngoại giao”. Nội dung chương trình dạy học, phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá được thiết kế thể hiện được triết lý, mục tiêu giáo dục; có các học phần chung thể hiện đặc thù riêng của Học viện; được thực hiện bởi đội ngũ giảng viên có trình độ cao, các nhà ngoại giao lớn trong nước và quốc tế. Việc tư vấn và giám sát kết quả học tập, việc tổ chức cho người học tham gia các sự kiện ngoại giao lớn, phục vụ hội nghị quốc tế, ngoại giao kênh 2, phát triển tiềm năng nghiên cứu, bồi dưỡng người học thành hạt nhân nghiên cứu cho Bộ Ngoại giao sau này,... được chú trọng. Chiến lược phát triển và cách thức quản lý khoa học công nghệ và phát triển các hợp tác, các đối tác nghiên cứu có nhiều cải tiến, đạt hiệu quả. Chính sách kết nối, phục vụ cộng đồng được ban hành, các hoạt động được triển khai theo kế hoạch, được giám sát, đánh giá tác động và cải tiến.

(4) Về Kết quả hoạt động: Quy mô tuyển sinh ổn định, chất lượng đầu vào, tỷ lệ có việc làm và mức thu nhập của người học sau khi tốt nghiệp cao; kiến thức, kỹ năng xử lý thông tin, 

giải quyết vấn đề, khả năng thích ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp được các nhà sử dụng lao động đánh giá cao. Học viện đã huy động được các nguồn lực quốc tế, trong nước tham gia thực hiện được khá nhiều đề tài NCKH các cấp; các mạng lưới và quan hệ hợp tác ngày càng phát triển, tổ chức ngoại giao kênh 2 hiệu quả. Học viện được cộng đồng học thuật quốc tế thừa nhận là một think-tank có uy tín hàng đầu Đông Nam Á, xếp hạng 40 trong 100 think-tanks hàng đầu Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng khá đa dạng; đã triển khai nhiều hoạt động chuyển giao tri thức, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, tư vấn chính sách cho Đảng, Chính phủ, góp phần tạo uy tín và vị thế ngoại giao của Việt Nam trên trường quốc tế. Các chỉ tiêu tài chính và chỉ số thị trường được xác lập, hướng tới đạt được mục tiêu phát triển của Học viện theo từng giai đoạn; nguồn tài chính ổn định và có xu hướng tăng, đảm bảo cho các hoạt động và có tích lũy. Kết quả các hoạt động đã góp phần phát triển ngành ngoại giao, tăng uy tín và hình ảnh của đất nước ra khu vực và quốc tế.

Tuy nhiên, Học viện vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Học viện xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

(1) Cần tiếp cận rõ thị trường lao động mở rộng, đặc biệt là tính toàn cầu hóa của nền kinh tế-xã hội trong tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng; thể hiện tương thích và hỗ trợ hiệu quả chiến lược duy trì sự ổn định của Học viện và gia tăng sự gắn bó của đội ngũ giảng viên qua giá trị cốt lõi và văn hóa; tiến hành thường xuyên gắn với tổng kết năm học việc rà soát, cải tiến, đặc biệt tận dụng cơ hội về kế hoạch tổ chức đại hội các cấp sắp đến trong năm 2020 để triển khai, lưu ý tích hợp các yêu cầu thích ứng với cách mạng công nghiệp 4.0 với xu thế khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo vào tầm nhìn và sứ mạng.

(2) Cần khẩn trương thành lập Hội đồng trường, các Hội đồng Khoa; hoàn thiện các Hội đồng cố vấn, triển khai các hoạt động theo quy định và yêu cầu thực tiễn của Học viện; tăng cường chất lượng của các quyết định của hệ thống quản trị và năng lực cạnh tranh của Học viện thông qua việc tổ chức và tham khảo ý kiến của các hội đồng chuyên gia về tư vấn chiến lược, nhất là chiến lược phát triển và quản trị đại học; nghiên cứu xây dựng công cụ quản trị, nhất là các bộ chỉ số cơ bản để đo lường, đối sánh và quản trị mục tiêu phát triển, đồng thời tổ chức các chương trình bồi dưỡng nâng cao nhận thức về quản trị đại học làm cơ sở xây dựng và thực thi chiến lược quản trị và quản trị sự phát triển của một cơ sở giáo dục đại học.

(3) Cần rà soát, cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý một cách mạch lạc hơn, có bộ phận/đầu mối thực hiện công tác thanh tra và pháp chế; kiến nghị tăng cơ chế tự chủ; sớm kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, giảng viên, thực hiện việc bổ nhiệm đúng tiêu chuẩn bảo đảm tính ổn định; ban hành riêng quy chế phối hợp giữa các bộ phận trong cơ cấu tổ chức; đồng thời đa dạng hóa phương thức truyền thông về sứ mạng và mục tiêu, thu hút sự quan tâm của người sử dụng lao động, doanh nghiệp vào việc thực hiện mục tiêu chiến lược của Học viện.

(4) Cần thực hiện đối sánh với nhóm các cơ sở giáo dục tiên tiến tương tự trong khu vực và thế giới; rà soát lại Chiến lược phát triển, bổ sung chiến lược phục vụ cộng đồng; xác định nguồn lực thực hiện các chỉ tiêu, các biện pháp quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tính khả thi cho các kế hoạch; lưu ý xác định rõ định hướng và quan điểm phát triển, đồng thời lựa chọn, thiết lập các KPI và áp dụng công cụ quản trị chiến lược phù hợp; ứng dụng CNTT để kết nối chặt

chê giữa các KPI của kế hoạch chiến lược với các kế hoạch ngắn hạn của Học viện, kế hoạch năm học của các đơn vị; lập quy trình theo dõi, giám sát đầy đủ việc thực hiện; thực hiện đối sánh và công khai trong các báo cáo tổng kết năm.

(5) Cần có kế hoạch và tổ chức triển khai định kỳ việc tập huấn xây dựng chính sách; thực hiện đánh giá tác động chính sách và có cơ chế rà soát, đánh giá, xây dựng các KPI liên quan để có thể đánh giá bên trong, bên ngoài về tác động xã hội, hiệu quả kinh tế-xã hội, đo lường mức độ hài lòng, lợi ích mà các bên liên quan có được trong quá trình thực hiện; bổ sung các chính sách cốt lõi, các nội dung có tính nguyên tắc chỉ đạo cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng như: tự do học thuật, quy tắc đạo đức nhà giáo trong đào tạo, xử lý xung đột lợi ích trong NCKH, xây dựng hình mẫu công dân tích cực trong phục vụ cộng đồng,...

(6) Cần xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ theo chiến lược phát triển của Học viện và chủ trương tự chủ đại học của Chính phủ; hoàn thiện, cập nhật kịp thời các quy trình, quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, chế độ làm việc của giảng viên...; xây dựng KPIs để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; hoàn thiện công tác quản lý, bổ nhiệm cán bộ, giảng viên tuân thủ các yêu cầu về tiêu chuẩn theo quy định, đồng thời định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan để có những cải tiến, điều chỉnh có tính đột phá về chế độ chính sách, quy hoạch nhằm thu hút, bổ sung nguồn nhân lực có trình độ cao một cách hiệu quả, khắc phục được những hạn chế của việc phân công, luân chuyển cán bộ đi công tác theo nhiệm kỳ của Bộ chủ quản.

(7) Cần điều chỉnh Chiến lược phát triển Học viện chú trọng nhiều hơn đến nguồn lực cho NCKH, tăng các nguồn thu từ chuyển giao và hợp tác quốc tế; điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ có chú ý đến chi cho NCKH theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ và xây dựng Quy chế quản lý, khai thác tài sản thuộc phạm vi quản lý của Học viện; có các giải pháp tăng cường cơ sở vật chất, mở rộng diện tích, đầu tư, hiện đại hóa các thiết bị CNTT, các trang thiết bị giảng dạy, học tập; chú trọng nâng cấp, hiện đại hóa thư viện, xây dựng thư viện số, cập nhật tài liệu, giáo trình, có lưu ý đến vấn đề bản quyền tác giả.

(8) Cần hoàn thiện bộ công cụ rà soát và các chỉ báo; định kỳ có báo cáo rà soát về các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác của Học viện; phân tích đánh giá các hoạt động đối ngoại theo 5 mức độ phát triển, bắt đầu từ các mô hình can dự truyền thống sang các cam kết chính thể; chú trọng phát triển các mối quan hệ với các đối tác trong nước thuộc các khu vực khác nhau như: học thuật, doanh nghiệp; các hội nghề nghiệp-xã hội-tổ chức phi chính phủ và các cơ quan chính phủ; ban hành chính sách cụ thể để thúc đẩy, nuôi dưỡng các mối quan hệ.

(9) Cần đầu tư hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong phù hợp với các mục tiêu chiến lược, nhu cầu phát triển, tương thích với hệ thống ĐBCL bên ngoài và bối cảnh Việt Nam, khu vực ASEAN để giám sát, đánh giá và liên tục cải tiến chất lượng các hoạt động; phát huy hiệu quả của Hội đồng ĐBCL trong tư vấn tổng thể các hoạt động ĐBCL và phát triển Học viện; ban hành Sổ tay chất lượng; hoàn thiện cập nhật hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn các hoạt động; đồng thời, xây dựng đầy đủ bộ chỉ số thực hiện chính để đo lường kết quả thực hiện của tất cả các cấu phần quan trọng thuộc hệ thống ĐBCL bên trong.

(10) Cần lập kế hoạch cụ thể cho lộ trình tự đánh giá Học viện, các CTĐT theo các tiêu chuẩn đánh giá của các tổ chức kiểm định khu vực, quốc tế; xây dựng các hướng dẫn chi tiết, các biểu mẫu thống kê, phân tích số liệu, các công cụ đối sánh để hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động;

kế hoạch thực hiện, việc thu thập minh chứng, xử lý thông tin, cải tiến chất lượng, hoàn thiện và công bố báo cáo tự đánh giá cần được quán triệt, triển khai và giám sát thực hiện đồng thời với việc áp dụng chính sách khuyến khích để tăng cường số lượng và năng lực đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện, có yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện hiệu quả hoạt động cải tiến chất lượng dựa trên các phát hiện từ tự đánh giá định kỳ; những thực hành ĐBCL tốt cần được chia sẻ và lan tỏa.

(11) Cần rà soát và có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin quản lý nội bộ và khai thác hiệu quả hệ thống thông tin công chúng/truyền thông ra bên ngoài để trở thành “bộ não” của Học viện; xây dựng quy trình và công cụ để phân tích xu hướng, dự báo, so sánh, phân tích nguyên nhân và kết quả, phân tích tương quan,... để hỗ trợ các cấp lãnh đạo, quản lý ra quyết định phù hợp; thường xuyên công bố các thông tin cập nhật, khách quan, thông tin định lượng và định tính về các thành tựu của Học viện, đồng thời hoàn thiện phần mềm quản trị tích hợp để đảm bảo sự thống nhất trong liên kết dữ liệu và đảm bảo chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn thông tin.

(12) Cần xây dựng kế hoạch liên tục cải tiến chất lượng hằng năm để nâng cao chất lượng bao gồm đầy đủ các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng; hoàn thiện bộ tiêu chí lựa chọn các đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh phù hợp để có được thông tin, dữ liệu tin cậy cho mục tiêu cải tiến, phát triển; sử dụng kết quả so chuẩn và đối sánh để xây dựng các giải pháp và kế hoạch thúc đẩy, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, lưu ý đảm bảo thực hiện rà soát định kỳ, trong đó có tham chiếu các tiêu chí đối sánh của các cơ sở giáo dục hàng đầu trong lĩnh vực ngoại giao nhằm xác định thang đo chuẩn, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện và tiệm cận với quốc tế.

(13) Cần đa dạng, tự chủ hơn nữa các phương thức tuyển sinh để dần hướng tới quốc tế hóa hoạt động tuyển sinh, tương xứng với sứ mệnh, tiềm lực của Học viện; ứng dụng một cách hệ thống và triệt để hơn các nền tảng, công cụ CNTT vào hoạt động quản lý để có thể cải tiến kịp thời, triệt để, đồng thời có giải pháp tổng thể cho công tác tuyển sinh, hoạt động đào tạo, cải tạo cơ sở vật chất để tiến tới đào tạo toàn diện người học của Học viện, thu hút được nhiều người học trong nước và quốc tế đến học tập, nghiên cứu.

(14) Cần khẩn trương rà soát, điều chỉnh và ban hành lại các CTĐT trình độ đại học, nhất là các CTĐT chất lượng cao; lưu ý đảm bảo tương thích định hướng với chuẩn đầu ra giữa sứ mạng, tầm nhìn với triết lý giáo dục và nội dung chương trình, các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá; bổ sung số lượng tín chỉ, các học phần tự chọn cho các CTĐT để giúp người học lựa chọn và chủ động hơn trong học tập, từ đó thúc đẩy đào tạo cá thể hóa và học tập suốt đời, đồng thời lưu ý đầu tư đồng bộ hóa và sử dụng tối đa hạ tầng CNTT để hỗ trợ hiệu quả cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

(15) Cần phát huy trí tuệ tập thể và ý kiến các chuyên gia để hoàn thiện và ban hành chính thức triết lý giáo dục của Học viện phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển, làm căn cứ điều chỉnh chuẩn đầu ra của các CTĐT, chuyển tải cụ thể vào trong nội dung các chương trình dạy học, các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá nhằm đáp ứng yêu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan; nghiên cứu các giải pháp để thúc đẩy hơn nữa các hoạt động giảng dạy tạo tiền đề cho “ngoại giao kênh 2” dựa trên nền tảng văn hóa Việt cho cả sinh viên Việt Nam.

và sinh viên quốc tế.

(16) Cần rà soát, xây dựng quy trình thiết lập hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp với mục tiêu triết lý giáo dục và hỗ trợ người học đạt được chuẩn đầu ra; thực hiện các giải pháp áp dụng khoa học đo lường và đánh giá vào công tác kiểm tra đánh giá để đảm bảo khả năng đo lường và đánh giá mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra, đồng thời, chú trọng đầu tư có chiều sâu vào hạ tầng CNTT để thực hiện việc giám sát tiến độ học tập của người học trong suốt quá trình học tập cũng như trong mỗi học kỳ, với mỗi học phần để bắt kịp xu hướng đào tạo cá thể hóa.

(17) Cần có quy định, hướng dẫn việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học và tiến hành khảo sát định kỳ; triển khai thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ phục vụ và hỗ trợ, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và khuyến khích về vật chất lẫn tinh thần; tổng kết, rút kinh nghiệm để cải tiến hoạt động phục vụ, hỗ trợ và nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp cho sinh viên.

(18) Cần sớm kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý công tác NCKH; xây dựng và ban hành các chỉ số KPI, các tiêu chí đánh giá về số lượng và chất lượng NCKH để đo lường mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH của giảng viên, sinh viên; có chiến lược hoạt động và sự lan tỏa các nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường các nghiên cứu theo đơn đặt hàng thực hiện các dịch vụ NCKH, tư vấn cho các tổ chức trong nước, quốc tế; quan tâm và đầu tư hơn nữa cho hoạt động NCKH của sinh viên; đồng thời thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan định kỳ hằng năm, có báo kết quả khảo sát và đề xuất các biện pháp cải tiến.

(19) Cần xác định cụ thể các chỉ tiêu cần đạt đối với các sản phẩm, các giải pháp hữu ích trong NCKH dựa trên thế mạnh của Học viện (nghiên cứu Biển Đông, luật quốc tế, truyền thông quốc tế, kinh tế quốc tế,...) trong các Chiến lược, kế hoạch phát triển và nhiệm vụ hằng năm; có chiến lược tạo tài sản trí tuệ, thúc đẩy chuyển giao tri thức trên các lĩnh vực có thế mạnh và tiềm năng; thiết lập quy trình khai thác các tài sản trí tuệ; đặt yêu cầu cao hơn về nhiệm vụ cho các viện, trung tâm nghiên cứu và các khoa; có cơ chế khuyến khích, giám sát, quản lý việc tham gia tư vấn, chuyển giao các kết quả NCKH theo cơ chế dịch vụ; rà soát, điều chỉnh quy định về sở hữu trí tuệ, lưu ý cập nhật quy định tại Nghị định số 22/2018/NĐ-CP của Chính phủ và có phương án sử dụng phần mềm chống đạo văn trong học tập, nghiên cứu.

(20) Cần sớm xây dựng bổ sung KPIs về hợp tác phát triển cho kế hoạch chiến lược, các nhiệm vụ theo chu kỳ Hội nghị ngoại giao và công tác năm; đầu tư tương xứng và chủ động phát triển mạng lưới hợp tác nghiên cứu, có sự tham gia của các đối tác nước ngoài; đầu tư phát triển bền vững các nhóm nghiên cứu mạnh để tăng cường các đề tài, hợp tác song phương, nghị định thư; tăng cường công bố khoa học là kết quả từ các nghiên cứu chung với các đối tác; xây dựng cơ sở dữ liệu về các hợp tác, đối tác hiện có và tiềm năng và phổ biến tới các đơn vị, cán bộ giảng viên để khai thác.

(21) Cần cải tiến việc xây dựng kế hoạch kết nối, phục vụ cộng đồng; có quy chế hoạt động thể hiện đầy đủ các nội dung cốt lõi về chính sách, quy trình quản lý, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, giám sát; chú trọng phát triển các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng theo hướng nhân rộng các mô hình hiệu quả, chuyển từ các mô hình can dự truyền thống sang các cam kết chính thể, giúp cán bộ giảng viên và người học trở thành công dân tích cực trong cộng đồng; quan tâm xây dựng hệ thống đo lường, giám sát các chỉ số xác định mức độ hài lòng và lợi ích

của các bên liên quan.

(22) Cần triển khai một cách bài bản việc lập kế hoạch đào tạo dài hạn; xác định các tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng sinh viên tốt nghiệp; định kỳ thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước để có biện pháp cải tiến chất lượng các CTĐT và hệ thống ĐBCL; lưu ý hoàn chỉnh nội dung khảo sát cho phù hợp và tin học hóa việc xác lập, phân tích dữ liệu, đảm bảo độ tin cậy và tính giá trị cho kết quả khảo sát.

(23) Cần xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ với KPIs phù hợp; có hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH một cách đầy đủ; có bộ phận/cá nhân chuyên trách đầu mối/quản lý; cụ thể hoá Nghị định 99/2014/NĐ-CP thành các quy chế, quy định nội bộ; tăng cường huy động các nguồn lực trong nước và quốc tế; triển khai các nghiên cứu theo đơn đặt hàng để tạo được nguồn thu từ hoạt động NCKH, có chính sách khen thưởng đủ mạnh đối với công bố quốc tế (ISI, Scopus) và các sản phẩm NCKH có khả năng thương mại hoá, chuyển giao, đồng thời chú trọng việc xây dựng tinh thần khởi nghiệp, tăng cường các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp.

(24) Cần hoàn chỉnh hệ thống văn bản hướng dẫn và quy trình giám sát, đối sánh các loại hình và khối lượng hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng với các KPI cụ thể để có các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động; nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đóng góp cho xã hội; nghiên cứu phương án triển khai các chương trình học tập phục vụ cộng đồng (community service learning); định kỳ giám sát, đối sánh, đồng thời cải tiến nội dung khảo sát điều tra xã hội học về sự hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng hoạt động.

(25) Cần nghiên cứu, điều chỉnh Chiến lược phát triển Học viện theo hướng tự chủ đại học, chú trọng nhiều hơn đến nguồn lực cho NCKH, đa dạng hóa và tăng các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước; có giải pháp khuyến khích nhằm đẩy mạnh công tác NCKH, nhất là các công bố quốc tế để tiếp tục tăng cường năng lực đội ngũ, chất lượng đào tạo và thương hiệu của Học viện; định kỳ thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục có uy tín về các chỉ số thị trường về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng để tiếp tục cải tiến và thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và giữ vững thương hiệu là đại học hàng đầu trong lĩnh vực ngoại giao của Việt Nam.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Học viện cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định. 